

Bản án số: 110/2019/DS-PT

Ngày 13/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 10 và 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo và bị kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35A/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lương Văn H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 179, ấp Bình Phú L, xã Bình A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Hoàng G - Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phạm Hoàng Phi T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 151, đường Lê B, khóm 4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Thái Quang I, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 279, Nguyễn Thị Minh K, phường 2, thành phố C, Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Hoàng Phi T.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Lương Văn H trình bày:*

+ Vào ngày 04-6-2015, ông T có thể chấp cho ông H 01 xe cần cẩu biển kiểm soát số 66S-6420 để vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn thể chấp 45 ngày, hết thời gian trên thì hai bên thỏa thuận tiếp. Đồng thời, ông T thuê lại xe cẩu trên với giá thuê là 5.000.000 đồng/tháng. Ông T đã nhận đủ 200.000.000 đồng và giữ máy cẩu để sử dụng theo thỏa thuận và ông H giữ giấy xe cẩu.

+ Ngày 13-6-2015, ông T thể chấp cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01680 cấp ngày 23/9/1996 diện tích 1.000 m² (đất lúa), tọa lạc tại phường 4, thành phố C do ông T đứng tên để vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/ tháng. Thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày ký thể chấp. Ông T đã nhận đủ tiền và ông H giữ giấy chứng nhận QSDĐ.

Sau đó, ông T mượn lại giấy tờ xe và giấy chứng nhận QSD đất, do tin tưởng nên ông H cho mượn lại sau đó ông T bán hết xe và đất nhưng không trả nợ cho ông H. Sau nhiều lần đòi nợ thì ông T có trả được 02 lần với số tiền 60.000.000 đồng như sau: Ngày 21-11-2017 trả 40.000.000 đồng, ngày 24-01-2018 trả tiếp 20.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Ông H yêu cầu ông T trả các khoản như sau: Tiền vay 240.000.000 đồng + Tiền thuê xe 205.000.000 đồng + Tiền lãi 188.908.000 đồng. Tổng cộng là 633.908.000 đồng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Thái Quang I trình bày:* Ông H có ký hợp đồng ủy quyền với Công ty đòi nợ N ở Tp. HCM, theo đó Công ty này được quyền lấy tiền trực tiếp từ ông T số tiền 300.000.000đ, số tiền này là nợ do ông T thống nhất với Công ty đòi nợ, không tính lãi. Ông T đã trả một số tiền không nhớ chính xác bao nhiêu. Hiện nay phía bị đơn đang yêu cầu Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng minh các khoản ông T đã trả nhưng đến nay vẫn chưa cung cấp được. Về yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 300.000. 000 đồng theo hợp đồng với Cty N trừ vào số tiền đã trả cho Cty N.

Bị đơn cho rằng đã trả được cho ông H thông qua Công ty N là 120.000.000 đồng nhưng chứng từ chỉ có 60.000.000 đồng, còn số 60.000.000 đồng còn lại đưa riêng cho Công ty N không làm biên nhận. Nay ông T chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền vay 180.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền thuê xe và tiền lãi.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của ông H.

Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn H số tiền tổng cộng là 574.375.500 đồng.

[2] Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí:

Ông H phải chịu 2.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.350.000 đồng theo biên lai thu số 0003514 ngày 27-4-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông H được nhận lại số tiền 11.373.000 đồng.

Ông T phải chịu số tiền 26.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 23/11/2018 ông T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Ngày 10/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có quyết định kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn là ông I phát biểu: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, chỉ trả 180.000.000đ vốn, không trả lãi, không trả tiền thuê xe cẩu.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ông H phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T.

- Luật sư Nguyễn Hoàng G phát biểu:

+ Không đồng ý với kháng cáo của ông T.

+ Việc giao kết là hoàn toàn tự nguyện.

+ Ông H tự nguyện trừ thêm 60.000.000đ vào tiền lãi, xem như ông T đã trả được 120.000.000đ.

+ Ông H không biết việc trả tiền từ bà V hoặc bà Y nên không liên quan đến vụ án này, không đồng ý trừ vào tiền lãi.

+ Theo khoản 1.1 Điều 8 của Hợp đồng dịch vụ ký giữa ông H và Công ty N thì quá thời hạn 04 tháng xem như đã chấm dứt hợp đồng.

+ Thế chấp tài sản, sau đó thuê lại xe cẩu là thỏa thuận của hai bên và hợp đồng này không thuộc trường hợp công chứng nên có hiệu lực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị thay đổi quyết định kháng nghị, không hủy án sơ thẩm mà đề nghị sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, của luật sư, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền hai bên tranh chấp là tiền vay và tiền hợp đồng thuê tài sản nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay và hợp đồng thuê tài sản”.

[2] Xét kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với khoản tiền 02 bên chưa thống nhất là đã trả nợ 60.000.000đ hay 120.000.000đ. Bên nguyên đơn cho rằng chỉ nhận 60.000.000đ, còn bị đơn cho rằng đã trả cho Công ty N 120.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông H thống nhất tự nguyện với trừ thêm cho ông T 60.000.000đ vào phần lãi để giảm trừ nghĩa vụ cho ông T tổng cộng 120.000.000đ như ý kiến của bị đơn nài ra. Trong đó số 60.000.000đ trừ vào vốn, số 60.000.000đ còn lại trừ vào lãi. Như vậy hai bên đã thống nhất trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên không cần xem xét đến việc Công ty N đã nhận 60 triệu đồng hay 120 triệu đồng và không nhất thiết phải đưa Công ty N vào tham gia tố tụng. Đồng thời theo hợp đồng dịch vụ ký kết giữa ông H và Công ty N thì quá thời hạn 04 tháng thì hợp đồng đương nhiên chấm dứt. Trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm mời đại diện Công ty N đến làm việc nhưng không đến. Nhận thấy không hủy án sơ thẩm phần này vì không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án. Buộc ông T trả vốn cho ông H 240.000.000đ.

[2.2] Đối với việc ông T nài ra là đã trả tiền lãi cho bà Phạm Thị Tuyết V để bà V trả lại cho vợ ông H nhưng ông H không thừa nhận và xét thấy các đương sự không có thỏa thuận nào khác về việc giao tiền lãi cho người thứ ba để trả cho ông H nên không chấp nhận kháng cáo phần này của ông T. Nếu bên ông T cho rằng quyền lợi bị vi phạm thì làm đơn khởi kiện đối với người đã nhận tiền lãi. Do đó, chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông H theo bản án sơ thẩm là 129.375.500 đồng nhưng trừ vào số tiền 60.000.000đ theo tự nguyện của ông H nên ông T phải trả lãi cho ông H 69.375.000đ tiền lãi.

[2.3] Đối với việc ông T nài ra là hợp đồng thế chấp là không giao tài sản nên không có việc thuê lại xe cầu biển số 66S-6420 như ông H trình bày. Nhận thấy Điều 317 Bộ luật dân sự quy định "*Tài sản thế chấp do bên thế chấp giữ*",

tuy nhiên sau đó hai bên có thỏa thuận theo biên nhận ngày 04-6-2015 là thuê lại xe giá 5.000.000đ/tháng, sau khi hết thời hạn hai bên cũng không có thỏa thuận gì khác. Xét thấy việc thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không bị ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận theo thỏa thuận về hợp đồng thuê xe cẩu. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T phần này. Buộc ông T trả cho ông H 205.000.000đ tiền thuê xe.

Như vậy bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn các khoản tiền như sau: Tiền vốn 240.000.000 đồng + tiền thuê xe cẩu 205.000.000 đồng + tiền lãi 69.375.500 đồng = 514.375.500 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe của bị đơn thể chấp cho nguyên đơn hiện nguyên đơn đã trả lại cho bị đơn xong và bị đơn không có yêu cầu gì khác nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

Ông T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Hoàng Phi T. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, 466; 468; 472 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lương Văn H.

Buộc ông Phạm Hoàng Phi T có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn H số tiền tổng cộng là 514.375.500 đồng (năm trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì phải chịu trả lãi theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

2. Về án phí:

- Ông Lương Văn H phải chịu 2.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.350.000 đồng theo biên

lai thu số 0003514 ngày 27/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Lương Văn H được nhận lại số tiền 11.373.000 đồng.

- Ông Phạm Hoàng Phi T phải chịu số tiền 25.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Hoàng Phi T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 05068 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông